

CẢM THỨC THIÊN TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM VÀ MATSUO BASHO

*ThS. Nguyễn Quang Minh¹
ThS. Mai Thị Huệ²*

TÓM TẮT

Thơ thiên vốn là dòng thơ của tâm hồn tương giao, tương cảm với thiên nhiên, của trí tuệ giác ngộ và của tâm sự lánh đời, thoát ly cõi thế. Chất thiên và chất thơ cũng có mối tương quan sâu sắc bởi tâm hồn nhà thơ thường đa sầu, đa cảm, cô đơn trước cái vô cùng, vô tận của vũ trụ, cái bất tận của thời gian và cái rộng ngợp của không gian. Thế nên phương Đông là cái nôi của thơ thiên với rất nhiều nhà thơ nổi tiếng như Vương Duy, Trương Kế, Đỗ Phủ ở Trung Quốc, Basho, Issa, Buson ở Nhật Bản, Mãn Giác, Viên Chiếu, Trần Nhân Tông ở Việt Nam... Bài viết bàn về đặc trưng riêng trong thơ thiên của Nguyễn Bình Khiêm và Matsuo Basho, hai đại diện tiêu biểu cho thơ thiên Việt Nam và Nhật Bản, qua đó thấy được những đóng góp quan trọng của họ cho sự phát triển của dòng thơ thiên ở phương Đông.

Từ khóa: *Thơ thiên, Nguyễn Bình Khiêm, Matsuo Basho*

1. Mở đầu

Với tư cách là một tông phái hấp thu tinh hoa của các tông phái Phật giáo, thiên là sự cảm nhận cuộc sống một cách trực tiếp, trực giác. Thiên không phải là con người cá nhân mà là sự hòa nhập và tương nhập vào cái lớn hơn, cái toàn thể một cách có ý thức của cá nhân. Căn bản luận của thiên có thể được trình bày với nhiều phương thức, cấp độ, cái nhìn, từ nhiều tác phẩm kinh điển - ngữ lục khác nhau. Thiên học phản ánh “tâm tức Phật”. “Tâm” ở đây là hiện thực rộng lớn mang tính toàn thể, là tất cả sự vật hiện tượng, gồm cả “chân không” và “diệu hữu”. Vượt “có - không” để nhận chân bản thể chân như là điều tối cao trong mọi bài thơ Thiên. Cảm thức thiên thể hiện ở những điểm lớn sau:

Về cái nhìn: Thiên là phương pháp nhìn thẳng đến cuộc đời, một phương pháp có tính cách khác thường. Vì thiên là phương pháp trực tiếp (trực quan) và bằng phương pháp này thiên đã nhìn sự vật như bản chất của nó, không thêm không bớt, đồng thời nhờ phương pháp này, thiên nhìn thấy được hình thể của sự hỗn hợp của tất cả mọi sự vật. Đối với nghệ thuật, thiên chú trọng tới thực tại hơn là biểu tượng.

Về tư duy: Tư duy thiên là thường xuyên liên tục ý thức, ý thức về tự ý thức (quán), ý thức về ý thức của người khác, tự ý thức về bản thể từng phút giây, từng sát-na (khoảnh khắc). Tư duy thiên chú trọng đến “chữ tâm”, tư duy trong thơ thiên phát triển đến cấp độ ngừng tư duy đó là sự im lặng vĩ đại. Tư duy thơ thiên có đặc điểm là nó vừa

^{1,2}Trường Đại học Đồng Nai

trực cảm (trực tiếp, trực giác) vừa siêu nghiệm. Điểm quan trọng của tư duy thơ thiền là các kiểu tư duy về vấn đề đạt đạo.

Về con người: Cái tôi của thiền hòa vào bản thể. Thơ thiền phản ánh “thân” trong triết lý sâu sắc về quy luật biến đổi của thể xác con người trong sự thấu hiểu và tự tại - “Thân như bóng chớp chiều tà” (Vạn Hạnh) hay “Thân như vách đổ với tường xiêu” (Viên Chiếu). Nhà thơ thiền đã thật sự sống và hành động phù hợp với mình, tinh thần “vô úy bình thường tâm” (Mã Tổ) làm con người thực sự là mình, tự do tự tại...

Thơ thiền Việt Nam thường được sáng tác bởi các thiền sư như Vạn Hạnh, Ngô Chân Lưu, Mãn Giác, Khánh Hỷ, Huyền Quang, Hương Hải, các bậc nguyên thủ quốc gia như Lý Nhân Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, các nho sĩ như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... Còn thơ ca Nhật Bản thấm đẫm cảm thức thiền qua cả ba giai đoạn thơ cổ điển Waka, Renga và thời Haiku. Đặc biệt là đến thời Haiku, cảm thức thiền trở thành yếu tố quan trọng trong tất cả các nhà thơ nổi tiếng như Basho, Issa, Buson, Onitsura... Thơ ca thường hướng về thiên nhiên – bản thể với tâm thức u hoài, bàng bạc, với nỗi buồn thấm đẫm hay tình cảm thương mến đối với tạo vật, muôn loài. Nhà thơ thường để cho cái tâm hồn phong phú của mình

hòa cùng thiên nhiên, đất trời, để từ đó “ngộ” ra những triết lý sâu sắc.

2. Nội dung cảm thức thiên trong thơ Nguyễn Bình Khiêm và Matsuo Basho

2.1. Tìm về thiên nhiên

Thiên nhiên là đề tài muôn thuở của thi ca. Tìm về thiên nhiên để gửi gắm tâm hồn, tư tưởng cũng là nét chung của các nhà thơ. Với Nguyễn Bình Khiêm, thiên nhiên không chỉ là thế giới bên ngoài mà đã trở thành một cảm thức, một lối sống, cách sống và một triết lý. Nguyễn Bình Khiêm tự nhận là một ông tiên giữa cõi đời, và cõi đời đó có thể nói chính là làng Trung Am quê hương ông. Ông quả đã sống “thích chí” giữa trăng nước, cỏ hoa, chim muông quê hương ông. Vì thế mà khi từ quan về quê, rời xa lối thụ hưởng vật chất đắm mình trong bả vinh hoa, Nguyễn Bình Khiêm đã thụ hưởng những ưu đãi của thiên nhiên hào phóng bằng một tấm lòng hòa hợp với tự nhiên. Tận hưởng tài lộc từ thiên nhiên bốn mùa, nhà thơ cũng được hấp thụ tinh khí trời đất để gột rửa bao lo toan vướng bận riêng tư. Nhà thơ sống giữa bao la của đất trời, an nhiên, tự tại: “*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá/ Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao*” (Thơ Nôm, bài 73).

“Tìm nơi vắng vẻ” cũng là tránh nơi lợi danh huyên náo, nhưng không phải là trốn tránh, là cách biệt với thế giới bên ngoài, xa rời cuộc sống. Nguyễn Bình Khiêm trở về công việc

của bậc tao nhân mặc khách với “cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà”, trở về với “một mai, một cuốc, một cần câu” của một lão nông. *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm không chỉ biểu hiện của an bản lạc đạo, của ung dung, tự tại mà còn biểu hiện của một phong thái sống cởi mở, hồ hởi với tạo vật, biết gắn mình với thiên nhiên. Cũng giống Nguyễn Trãi, ông về với ruộng vườn, hòa mình với thiên nhiên, sống thật thanh nhàn giữa trăng hoa, chim muông: “*Bến nguyệt, thuyền kẻ, hai bãi mía/Am mây, cửa khép một cành phea*” (Thơ Nôm, bài 83).

Ông cũng tìm được ở đó một không gian đất trời không thoảng chút hoa lệ, không mang hơi thở giàu sang phú quý, chỉ có màu xanh của cây cỏ, màu vàng của ánh trăng: “*Vườn rau sáng dạo sương vương dệp/ Bến cá đêm về, trăng đầy thuyền*” (Ngụ hứng, bài 4). Ông có những câu thơ diễn tả tinh tế cảm xúc vừa hư, vừa thực của mối giao hòa giữa nhà thơ và thiên nhiên: “*Cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà/ Nào của nào chẳng phải của ta/ Đêm đợi trăng cài bóng trúc/ Ngày chờ gió thổi tin hoa*” (Thơ Nôm, bài 71) hay “*Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích/ Hiên mai vắt cẳng hát nghêu ngao*” (Thơ Nôm, bài 83).

Tâm hồn của Nguyễn Bình Khiêm thanh thản. Ông thả hồn mình quyen luyến với những bến nước, thuyền câu, mây chiều, gió sớm... Cuộc sống của ông thanh đạm với các món ăn dân dã măng, giá, cá, tôm, dưa muối.

Hành động của ông thanh nhàn, vui thú với những công việc đồng áng, cày cuốc thú nhà quê, câu cá, hái rau, trồng hoa... Có thể nói, cái nhàn, tình yêu thiên nhiên của Nguyễn Bình Khiêm vừa mang hơi thở của thiền học, lại vừa thấm đẫm chất “quy ẩn” của Đạo giáo vừa đầu đầu tẩm lòng hướng về nhân dân của Nho gia. Nó không phải là cái thiên thuần chất như trong thơ của các bậc tu hành thời Lý – Trần nhưng nó cũng thật đáng quý.

Sống sau Nguyễn Bình Khiêm hơn một thế kỷ, Matsuo Basho là nhà thơ tiêu biểu cho tâm thức hướng về thiên nhiên trong thơ ca Nhật Bản. Thơ ông là lời ca ngợi thiên nhiên vô cùng nồng nàn, là lời kêu gọi đắm say trở về thiên nhiên. Ông viết: “*Đó là linh hồn của phong nhã, kẻ nào ấp ủ nó đều đón nhận thiên nhiên và trở nên người bạn của bốn mùa... Thế nên, tôi kêu gọi: Hãy vượt qua man rợ mà đón nhận thiên nhiên và quay về với thiên nhiên*” [1; tr.141].

Con đường thơ Basho là “đường về thiên nhiên” (Nhật Chiêu), gắn chặt với thiên nhiên. Khác với Nguyễn Bình Khiêm và hầu hết các nhà thơ cổ điển Việt Nam, thiên nhiên trong thơ Basho không mang tính ước lệ, tượng trưng, không có các điển cố, điển tích. Thiên nhiên trong thơ ông là thiên nhiên của thế giới thực, cao khiết, vô cùng nhưng cũng thật giản dị bên ta. Nhà thơ thường chú ý đến những điều nhỏ bé của thiên nhiên quanh mình: “*Cầu treo*

*lưng chùng/Quanh mình quán chặt/
Cuộc đời thường xuân*". Thiên nhiên hòa vào cuộc sống, cuộc sống nâng đỡ cho thiên nhiên thật giản dị, đơn sơ cũng như cây dây leo kia bám chặt lấy cây cầu – cuộc sống của con người. Thiên nhiên còn là ánh trăng, núi non trùng điệp, mùa thu, hoa triêu nhan... những thứ của tạo vật dâng tặng cho con người: "*Chưa rời Sarashina/ Ngắm trăng mười sáu/ Dường như quê nhà*".

Trong "con đường sâu thẳm" hướng về thiên nhiên, cũng là hướng về vẻ đẹp bản thể của con người, Basho tìm thấy vẻ đẹp của một thế giới thuần khiết, thanh cao mà người ta dường như đánh mất trong xã hội hiện đại của Edo. Thiên nhiên ấy chính là "khúc giao hưởng" của một tâm hồn đang ôm ấp thế giới, từ giải Ngân Hà bát ngát đến một đôi dép rom: "*Ôi biển hoang vu/ Ngân Hà vươn trái/ Trên đảo Sado*" hay "*Hoa diên vĩ/ Buộc quanh bàn chân/ Mang dép rom*".

Thiên nhiên trong thơ Haiku của Basho thường hướng về những sự vật nhỏ nhoi, bình thường trong đời sống hàng ngày bằng cái nhìn thương cảm, sâu sắc thương yêu mà cũng hết sức gần gũi: "*Mùa xuân ra đi/ Tiếng chim thỏ thức/ Mắt cá lệ đầy*" hay "*Trong lều ngư dân/ Giữa đám tôm cá/ Có con đế mèn*" và "*Con sâu lặng yên/ Ăn mòn hạt dẻ/ Trong đêm trăng huyền*"...

Con sâu, con đế mèn, tôm cá, bụi cám, tiếng ve, tiếng chim đều hiện diện trong thơ bằng niềm thương cảm

lớn lao. Dường như không có khoảng cách gì giữa nhà thơ và tạo vật. Những con vật nhỏ bé ấy chính là hiện thân của thiên nhiên, vừa dung dị, vừa lớn lao. Điều này có đôi chút khác biệt với Nguyễn Bình Khiêm, đặc biệt là thơ chữ Hán của ông. Nguyễn Bình Khiêm có bài thơ *Ghét chuột (Khấp thử)*, trong đó con chuột là ẩn dụ của bọn quan tham xấu xa, độc ác. Cũng là hình ảnh con chuột, con gián, con ruồi, nhưng trong thơ Haiku nói chung, đó là vẻ đẹp của thiên nhiên bất diệt. Chẳng hạn bài Haiku nổi tiếng của Issa:

*"Bên dòng Sumida
Chú chuột kia uống nước
Mưa mùa xuân pha"*

Chú chuột con bé xúu kia vừa là hiện thân của thiên nhiên, đất trời vừa hòa vào thiên nhiên, đất trời ấy. Và thiên nhiên bao giờ cũng đẹp.

Cuối cùng, nhắc đến thiên nhiên trong thơ haiku của Basho phải nói đến yếu tố "quý ngữ" tức là yếu tố mùa trong thơ. Bản thân tính chất "mùa", bài thơ phải có một vài từ ngữ nói đến một mùa nào đó trong năm, cũng nói lên tình yêu thiên nhiên của các nhà thơ haiku Nhật Bản nói chung, nổi lòng sâu thẳm hướng về thiên nhiên của Basho nói riêng. Chẳng hạn: "*Trên cành khô/ Cánh quạ đậu/ Chiều thu*", "*Hoa triêu nhan ơi/ Giữa ngày cổng khóa/ Chỉ còn em thôi*" hay "*Quét tuyết sương/ Mà quên sương tuyết/ Cây chổi trong vườn*". Các hình ảnh về mùa cho thấy quan hệ giữa con người với thiên nhiên,

đất trời tạo thành một thể thống nhất huyền ảo không gian – thời gian – con người.

Tóm lại, cảm thức thiên thường hướng về thiên nhiên nhỏ bé, tẻ vi hay cao lớn, hùng vĩ. Nếu Nguyễn Bình Khiêm tìm đến mai, cày, cuốc, măng trúc, dưa giá “thú nhà quê” thì Matsuo Basho lại lắng lòng với tiếng chim hót, tiếng ve kêu, một con sâu trên lá, hoa triêu nhan nở trong vườn, thương cho một con khỉ giữa mùa đông tuyết giá... Tất cả làm nên vẻ đẹp của thơ thiên giữa cuộc đời thường.

2.2. Tâm sự lánh đời

Sống trong những biến động đầy rối ren, loạn lạc của chế độ phong kiến nước ta giai đoạn đầu thế kỷ XVII với chiến tranh phong kiến liên miên, triều đình mục nát, vua quan sa đọa, người trí thức yêu nước trở nên bất lực trước thời cuộc. Như một lẽ tất yếu, họ tìm cách lánh đời, xa rời chốn quan trường nhiều thị phi. Nguyễn Bình Khiêm gọi đó là “chốn lao xao”- cái chốn đua chen danh lợi, nhiều lời ra tiếng vào đầy hiềm khích. Tâm sự lánh đời trong Nguyễn Bình Khiêm trước hết là một thái độ sống đầy chất Nho, Lão, sau đó là một tâm thức sống, cảm quan sống mang nặng chất thiên. Ông xem giàu sang phú quý như một giấc mộng nên ông rời bỏ chốn nhộn nhịp, phồn hoa đô hội, tìm về nơi hoang vắng, sống giản dị, đạm bạc, đơn sơ. Cái chốn hỗn độn đầy mưu mô xảo quyệt ấy, nhà thơ đã xa lánh từ lâu: “*Nép mình qua trước chốn lao xao/ Mấy sự bên tai gió thổi phào/ Cửa trúc*

võ tay cười khúc khích/ Hiên mai vắt căng hát nghêu ngoao”, hay: “*Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn người đến chốn lao xao*”. Nhà thơ bỏ ngoài tai mọi đối đãi, so sánh, giàu nghèo, hơn thua, phải trái của thế sự trần ai. Buông bỏ cũng là một thái độ sống của thiên, thường gọi là vô vi: “*Tếu tảo câu thơ cũ rích/ Khè khè chén rượu hăng xì/ Trăng thanh gió mát là tương thức/ Nước biếc non xanh ấy cố tri*”. Tinh thần thiên học trong thơ Nguyễn Bình Khiêm thể hiện ở lối sống vô úy, không sợ hãi, không lo âu. Đó là tâm thiên: sống không tham lam, không sân (nóng nảy), si (si mê) nên thoát khỏi mọi phiền não, khổ sầu. Nhà thơ chọn lối sống thanh nhã, lên rừng núi hòa cùng thông, trúc, ngày ngày cùng bè bạn đàm đạo kinh sách thánh hiền, đêm đêm trải lòng cùng ánh trăng diêu vợi lấp lánh dưới hồ xanh: “*Lánh trần đến nấu thú sơn lâm/ Lá thông đàn tiếng trúc cầm/ Sách cũ ngày tìm người hữu đạo/ Ao thanh đêm diễn nguyệt vô tâm*”. Thái độ lánh đời ấy rõ ràng không phải rời bỏ cuộc sống tươi sáng, tốt đẹp của nhân dân lao động mà là rời bỏ cái chốn quan trường đầy thị phi, đua chen danh lợi. Ta hiểu vì sao Nguyễn Bình Khiêm lánh đời mà vẫn thương dân, lo lắng cho cuộc sống của nhân dân hay sáng tác những vần thơ đạo lý gần gũi với nhân dân.

Matsuo Basho sinh sau Nguyễn Bình Khiêm 153 năm nhưng xét về thời đại, cả hai ông đều sống trong giai đoạn trung kỳ trung đại ở Nhật Bản và Việt Nam với những biến chuyển sâu sắc về thời đại và tư tưởng. Có lẽ tinh thần du

ký, “tìm về với thiên nhiên”, lối sống phiêu bạt của kẻ hành giả Basho cũng khởi nguồn từ thái độ không đồng lòng, thậm chí bất mãn với xã hội đương thời. Ông đi lang thang khắp nơi, từ Kyoto đến Edo, Ueno, Nagoga rồi Kashima, Suma, Akashi và Sarashina... Sau mỗi cuộc hành hương ông thường để lại tập thơ hay du ký ghi lại cuộc hành trình, những đóa hoa thi ca dâng lên cuộc đời.

Hành trình ra đi của Basho cũng là hành trình tìm về bản thể, chính là tâm hồn, cảm xúc của nhà thơ. Đi để thấy thiên nhiên tươi đẹp. Đi để trải nghiệm về những khó khăn của cuộc sống. Đi cũng để suy tư về lẽ đời và cõi người. Trong cuộc lãng du ấy, tâm hồn thi nhân tràn ngập thiên nhiên, khi say đắm, mơ mộng, lúc u buồn, cảm thương. Nhà thơ viết: “*Sớm ngày 27 tháng 3 tôi lên đường. Bóng tối còn lảng bãng trên bầu trời. Vàng trắng vẫn còn đó, dù nhạt nhạt. Cái bóng mơ hồ của đỉnh Fuji và hoa anh đào ở Ueno cùng Yanaka đang từ biệt tôi.*” [1; tr.145-146].

Tính chất du ca khiến cho thơ haiku của Basho tràn ngập các địa danh: đảo Sado, núi Fuji, đỉnh Asama, đền Asakusa, vùng Sarashina..., các hình ảnh, sự kiện, từ ngữ liên quan đến viễn du: cầu treo, con đường, lều cỏ, trăng, bàn chân, dép rom, quán trọ, hành trình. Chẳng hạn: “*Mùa xuân ra đi/ Tiếng chim thỏ thức/ Mắt cá lệ đầy*” hay “*Quán bên đường/ Các du nữ ngủ/ Trăng và đỉnh hương*”...

Về cuối đời, Basho còn để lại cho đời bài thơ được coi là “Tứ thế chi ca”:

“Đau yếu giữa hành trình

Chỉ còn mộng tôi phiêu lãng

Trên những cánh đồng hoang”

Nhật Chiêu cho rằng chủ đề của thơ Basho chính là “*cuộc hành trình đi tìm cái kì diệu của cuộc sống, đó chính là cái đẹp, đó là cái đã bị con người đánh mất, trong xã hội hiện đại của Edo, của những thành phố đông đảo mà rỗng không*” [1; tr.146].

Có thể nói, cả Matsuo Basho và Nguyễn Bình Khiêm đều mang tâm sự lánh đời. Nhưng nếu Nguyễn Bình Khiêm lánh đời bằng cách về quê ở ẩn, dạy học giúp đời thì Basho lánh đời bằng những chuyến chu du, phiêu lãng. Dù có thể nào, cả hai ông đều không trốn tránh cuộc sống đời thường tươi đẹp của nhân dân mà chỉ là xa lánh chốn phồn hoa đô hội, lợi danh đua chen vốn đầy bất trắc và có thể làm cho con người ta quên đi bản thể của chính mình.

2.3. Triết lý nhân sinh sâu sắc

Trung tâm của quan niệm triết lý Nguyễn Bình Khiêm chính là quan niệm “**nhàn**”. Ông cho rằng “*để đáp ứng được lẽ biến dịch của tạo hóa thì con người phải sống theo lẽ tự nhiên, đó là vui với đạo trời, biết số mệnh và ung dung tự tại*”. Triết lý nhàn, tiên, vô sự được thể hiện sâu sắc trong thơ ông. Nhàn là cuộc sống hòa đồng với

ngườidân nơi thôn dã và thiên nhiên. Nhân là khép cửa ải lợi danh ồn ào, phiền não lại. Nhân cũng là lánh đời thoát tục, tìm vui trong thiên nhiên cây cỏ, giữ mình trong sạch. Trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, chữ “nhân” trở thành một ám ảnh nghệ thuật, bởi nó không chỉ bộc lộ những tâm trạng riêng của ông, gắn liền với thời cuộc, mà còn thể hiện một quan niệm triết học của ông, một cách ứng xử của ông trước cuộc đời. Nhà thơ đã nhiều lần bộc lộ những suy ngẫm gắn kết với đạo lý của nhân dân, thể hiện một nhân sinh quan lành mạnh giữa thời cuộc đảo điên. Hành trình hưởng nhân của Nguyễn Bình Khiêm nằm trong quy luật ấy, tìm về với nhân dân, đối lập với bọn người tầm thường bằng cách nói ngụ ý vừa ngông ngạo, vừa thâm thúy: “*Thấy dậm thanh vân bước ngại chen/ Được nhân ta xá dưỡng thân nhân*” (Thơ Nôm, bài 8). Trong quan niệm của ông, “nhân” là giữ cho mình trong sạch, cũng là cách bảo vệ khí tiết của nhà nho và phẩm giá của con người.

Từ khái niệm triết học trung tâm “nhân”, Nguyễn Bình Khiêm thấy được triết lý vô thường của nhân sinh, vũ trụ: “*Lần nữa ngày qua tháng qua/ Một phen xuân tới một phen già/ Ưu ái vắng vạc, trắng in nước/ Danh lợi láng láng: gió thoảng qua*”. Ngày tháng trôi nhanh như nước chảy qua cầu, thế nên tất cả mọi mưu cầu danh lợi, ưu tư phiền não xưa nay đều không có thực, chỉ là ảo ảnh như bóng trăng in dưới dòng nước,

cho nên lòng thi nhân thấy láng láng, nhẹ nhõm, trút sạch mọi vinh nhục, danh lợi, thịnh suy...Đó là thái độ an nhiên tự tại trước lẽ vô thường, sinh diệt biến đổi của vũ trụ.

Sống ở am Bạch Vân, ông có thời gian ngẫm nghĩ về thế sự, nhân tình và phát hiện ra những quy luật vận động bên trong của cuộc sống. Vận dụng vốn hiểu biết về âm dương, ngũ hành, bát quái, ông nhận thấy trong vũ trụ rộng lớn có sự tồn tại và hài hòa giữa âm và dương, từ đó phát hiện ra quy luật “*tuần hoàn đấp đổi nhau vốn lẽ thường*” (Trung tâm quán ngụ hứng). Chính vì thế ông nghiệm sinh lẽ đời với con mắt một triết nhân: “*Vinh nhục một cơ hằng đấp đổi/ Ất là từng thấy một hai phen*” (Thơ Nôm, bài 39) hay: “*Thế sự tuần hoàn đấp đổi/ Từng xem thua được một hai phen*” (Thơ Nôm, bài 44). Thi nhân nhận thấy sự tuần hoàn của cuộc đời là lẽ thường nên thái độ của con người thường là lạng lẽ ngẫm nhìn cuộc đời tuần hoàn, xoay chuyển.

Vinh nhục, được thua của cuộc đời là lẽ thường nên vị trí của thi nhân thường là đứng trên hoàn cảnh, nghịch cảnh, đứng trên mọi cái xấu xa của xã hội để suy nghiệm về nó, phát hiện ra các quy luật bên trong của nó: “*Thế gian biến đổi vũng nên đời/ Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi/ Còn bạc còn tiền còn đệ tử/ Hết cơm hết rượu hết ông tôi*” (Thơ Nôm, bài 71). Vì lẽ đời là thế nên nhà thơ khuyên chúng ta: “*Chưa để*

ai là bậc Thích Ca/ Mọi niềm nhân ngã
nhãn thì qua/ Lòng vô sự: trắng in
nước/ Cửa thẳng lai: gió thổi qua”. Khi
lòng người bình an vô sự thì những “lao
xao”, hệ lụy của cuộc đời cũng chỉ là
gió thoảng mây bay, không đáng để ý.
Thanh nhàn, ấy chính là cõi tiên của đời
người.

Thơ Basho cũng tràn đầy chất
triết lý. Thể thơ haiku ngắn gọn, phù
hợp với việc miêu tả những suy tư của
con người về lẽ đời và về cõi người.
Hiện lên trong thơ Basho là **triết lý về
sự hư vô, mỏng manh, ngắn ngủi của
cuộc đời**: “Tóc mẹ còn đây/ Tan trong
lệ nóng/ Sương mùa thu bay”. Bài thơ
là sự suy tư sâu sắc về cái mong manh,
hữu hạn của cuộc đời con người trước
thời gian. Cuộc đời là ngắn ngủi. Mẹ đã
ra đi, chỉ còn nắm tóc bạc trên tay người
anh. Rồi sau này hai anh em Basho
cũng sẽ già, tóc cũng sẽ bạc. Thời gian
là thế, vô tình cứ trôi. Cuộc đời là thế,
gió thoảng, mây bay. Tuy nhiên mái tóc
bạc tan trong lệ nóng còn là một ý nghĩa
triết lý nữa: Sự bất tử của tình mẹ, của
tấm lòng người mẹ dành cho con. Mái
tóc ấy sẽ còn mãi trong tâm hồn Basho
và người đọc.

Triết lý trong thơ Basho chính là
những *cảm nghiệm của ông về nỗi vô
thường và vĩnh cửu của đời sống*. Trong
đó, nhà thơ không chỉ trải nghiệm được
cái huyền diệu của cuộc sống mà còn có
thể truyền đạt được nó. Thơ ông nhiều
khi nói lên cái vòng luân chuyển, tuần

hoàn của cuộc sống: “Mái lều tả toi/ Sẽ
thành ngôi nhà khác/ Tết về trẻ con
chơi”. Cuộc sống phiêu du đẩy ông đến
những chân trời mới. Mái lều ông ở
thành bỏ hoang. Nhưng rồi nó sẽ thành
“ngôi nhà khác”. Những đứa trẻ con sẽ
tìm đến, biến nó thành “ngôi nhà” để
chơi đùa mỗi dịp xuân về. Chất triết lý,
nhân văn trong thơ Basho là ở đó.

Yếu tố triết lý trong thơ Basho
còn thể hiện ở **sự tương hòa của vạn
vật** giữa không gian và thời gian, âm
thanh và hình ảnh, màu sắc và hương
thơm, cái nhỏ bé và cái vô cùng. Tất cả
dường như tập trung ở bài thơ về con
ếch nổi tiếng của ông:

“Ao cũ

Con ếch nhảy vào

Vang tiếng nước xao”

Đó có lẽ là con ếch nổi tiếng nhất
trong thi ca Nhật Bản, làm lên sức gọi
của thi ca Nhật. Có biết bao lời bình về
con ếch này trong thơ Basho. Có người
hiểu “ao cũ” là khởi thủy của vũ trụ.
Con ếch nhảy vào như mở đầu cho bình
minh nhân loại, cái tiếng động đầu tiên
sẽ tạo ra dòng đời không cùng, không
tận. Nét đặc sắc của bài thơ là ở chỗ nó
lấy cái nhỏ bé (con ếch) để miêu tả cái
rộng lớn (ao cũ), lấy tiếng động để miêu
tả cái tĩnh lặng mênh mông, sâu thẳm
cô tịch, cô liêu, lấy không gian (cái ao)
để miêu tả thời gian (quá khứ, trầm
mặc), lấy sự kiện (ếch nhảy) để miêu tả
tâm trạng (buồn bã, vắng lạnh, cô
độc)...

Ở bài thơ khác, ông viết:
“Chuông chùa tàn dần/ Hương hoa đào

buổi tối/ Vẫn còn vang ngân". Ở câu thơ này, âm thanh (chuông chùa) và mùi vị (hương hoa đào) tương giao tương cảm với nhau, hòa lẫn với nhau. Tiếng ngân (trong tâm hồn) của chuông chùa và hương thơm của hoa đào hòa quyện vào nhau trong tâm hồn lữ khách không phân biệt. Mà cũng chẳng nên phân biệt làm gì bởi đó đều là biểu hiện của cái đẹp, cái đẹp hòa quyện vào nhau, thanh khiết, nâng tâm hồn thi sĩ lên lâng lâng, say đắm.

Có thể nói, tính triết lý mang cảm thức thiên trong thơ Basho tập trung ở ba yếu tố: **sabi** (tịch – tĩnh lặng), **wabi** (đơn sơ) và **karumi** (khinh – nhẹ nhàng). Sabi có thể hiểu là “*nỗi cô đơn huyền diệu của thiên nhiên, niềm cô đơn vô ngã và tịch liêu của muôn đời. Ở con người, đó là niềm cô đơn với vũ trụ*” [1; tr.147]: “*Tịch liêu/ Thấu xuyên vào đá/ Tiếng ve kêu*”. Còn wabi là những điều đơn sơ, nghèo nàn, giản dị trong cuộc sống. Sống càng giản dị thì tâm hồn càng gần gũi thiên nhiên, càng dễ thấy được cái bản thể của chính mình: “*Mái lều êm/ Một con gõ kiến/ Gõ ngoài trụ hiên*”. Cuối cùng Karumi là sự nhẹ nhàng thanh thoát tìm thấy ngay giữa cuộc đời ô trọc. Thanh khiết, nhẹ nhàng cũng là hơi thở của thơ thiên mà Basho hằng hướng tới: “*Mưa mù sương/ Phù dung một đóa/ Làm mùa lên hương*”.

Tóm lại, cả Basho lẫn Nguyễn Bình Khiêm đều là những triết nhân

giữa thời đại của mình. Triết lý của họ, tuy có những điểm khác biệt nhưng cũng không nằm ngoài tâm hồn gắn bó với cuộc đời, hòa mình vào thiên nhiên, nắm bắt quy luật tuần hoàn của vũ trụ, mối quan hệ giữa cái nhỏ bé, tĩnh lặng và cái cao cả, vô cùng...Triết lý đó thấm đẫm chất thiền nhưng cũng mang nặng chất đời.

3. Kết luận

Nguyễn Bình Khiêm và Matsuo Basho chính là hai nhà thơ tiêu biểu cho khuynh hướng thiên trong thơ ở Việt Nam và Nhật Bản. Mỗi người một vẻ. Thơ thiên Basho là cái thiên thuần chất của một tâm hồn lãng du, yêu cuộc đời nhưng cũng hết sức nhạy cảm trước mọi biến thái của tạo vật và của cuộc đời. Nguyễn Bình Khiêm không phải là một nhà sư nhưng tâm hồn thiên thấm đẫm trong thơ ông như một người Việt Nam tiêu biểu với quan niệm “tam giáo đồng nguyên”. Có người cho rằng thơ thiên Việt Nam trải qua ba giai đoạn: thơ thiên xuất hiện trước thơ Nho, thơ thiên phát triển song song với thơ Nho và thơ thiên phát triển trong lòng thơ Nho. Có lẽ thơ thiên của Nguyễn Bình Khiêm nằm ở cuối giai đoạn phát triển thứ hai, đầu giai đoạn thứ ba của thơ thiên Việt Nam, hiểu theo quan niệm nói trên. Dù có hiểu thế nào, thơ cảm thức thiên trong thơ Matsuo Basho và Nguyễn Bình Khiêm đều rất đáng quý và trở thành di sản tinh thần cho thế hệ đi sau khi tìm hiểu về văn hóa và văn học nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhật Chiêu (1998), *Thơ ca Nhật Bản*, Nxb. Giáo dục
2. Nhật Chiêu (1999), *Nhật Bản trong chiếc gương soi*, Nxb. Giáo dục
3. Nguyễn Hữu Sơn, Trần Đình Sử, Huyền Giang, Trần Ngọc Vương, Trần Nho Thìn, Đoàn Thị Thu Vân (1997), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb. Giáo dục
4. Trần Đình Sử (1997), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb. Giáo dục
5. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội

**SENSE OF ZEN IN NGUYEN BINH KHIEM AND
MATSUO BASHO'S POETRY****ABSTRACT**

Zen poem is the poem of natural spirit, Buddhistic thought and life - isolated attitude. Zen and poeticality also have a deep connection because poet's soul is usually melancholy and sentimental. He often feels lonely with the infinity of the universe, the unendingness of time and the largeness of space. Therefore, Orient is the cradle of Zen poems with many famous poets such as Vuong Duy, Truong Ke, Do Phu in China, Basho, Issa, Buson in Japan and Man Giac, Vien Chieu, Tran Nhan Tong in Viet Nam. This article discusses about the own characteristics of Nguyen Binh Khiem and Masuo Basho's poems, the two typical writers of Vietnam and Japan's Zen poetry, thereby it finds their important contribution to the development of Oriental Zen poetry.

Keywords: *Zen poem, Nguyen Binh Khiem, Matsuo Basho*